

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỂU CẦN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2018/DS-ST

Ngày: 22/6/2018

V/v: *Tranh chấp đòi lại tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Dương Thị Mỹ Châm**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Bé**.

2. Bà **Nguyễn Thị Tuyết Lệ**;

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Hoàng Ân** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Màu**- Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 81/2017/TLST-DS, ngày 01 tháng 11 năm 2017 về việc “*Tranh chấp đòi lại tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2017/QĐXXST-DS, ngày 03 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 36/2018/QĐST-DS, ngày 29 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Lệ T**, sinh năm 1967 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp L, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Anh **Hồ Văn H**, sinh năm 1979 và chị **Võ Thị Hồng Q**, sinh năm 1979 (vắng mặt không có lý do);

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/10/2017, đơn sửa đổi bổ sung đơn kiện ngày 03/01/2018 và ngày 31/01/2018 lời khai trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Lệ T trình bày:

Trong khoảng thời gian từ ngày 26/9/2004 đến đầu năm 2006, chị T có bán thức ăn chăn nuôi heo cho anh H và chị Q nhiều lần không nhớ cụ thể từng lần, chị T có ghi sổ theo dõi và giao anh H một cuốn để đối chiếu, sau mỗi lần

bán heo để thanh toán tiền cho chị T. Anh H và chị Q đã nhiều lần thanh toán tiền cho chị T theo từng đợt bán heo. Đến đầu năm 2006 khi bán heo thì anh H và chị Q không thanh toán tiền cho chị T mà bỏ nhà đi chị T không liên lạc được, tổng số tiền anh H và chị Q chưa thanh toán là 63.835.000 đồng, cho đến năm 2011 anh H quay trở về nhà sinh sống, lúc đó chị T đến gặp anh H thì anh H trả cho chị T được 500.000 đồng, còn nợ lại 63.335.000 đồng, nhưng đến nay vẫn chưa trả cho chị T, mặc dù chị T nhiều lần đòi tiền.

Đến ngày 30/10/2014 chị T có nộp đơn đến Ban nhân dân ấp C, xã N, huyện T để giải quyết, tại cuộc hòa giải anh H thừa nhận còn nợ chị T tiền thức ăn là 63.000.000 đồng, chị T yêu cầu anh H trả mỗi vụ lúa (04 tháng) số tiền 5.000.000 đồng, còn anh H chỉ đồng ý trả mỗi vụ lúa (04 tháng) số tiền 500.000 đồng, chị T không đồng ý, nên hòa giải không thành, anh H tự ý bỏ ra về không ký tên vào biên bản hòa giải. Sau khi anh H thừa nhận có nợ chị T số tiền 63.000.000 đồng thì từ ngày 07/02/2015 cho đến nay anh H có trả cho chị T nhiều lần với tổng số tiền là 5.500.000 đồng, còn nợ lại là 57.500.000 đồng.

Nay chị T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Hồ Văn H và chị Võ Thị Hồng Q trả tiền mua thức ăn còn nợ là 57.500.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại bản tự khai ngày 06/6/2018 bị đơn anh Hồ Văn H và chị Võ Thị Hồng Q cùng trình bày: Anh chị thừa nhận từ năm 2004 đến năm 2006 có mua thức ăn chăn nuôi heo của chị T và còn nợ lại 63.000.000 đồng, nhưng từ ngày 07/02/2015 cho đến nay thì anh H, chị Q có trả cho chị T số tiền là 5.500.000 đồng, còn nợ lại 57.500.000 đồng. Nay anh H và chị Q đồng ý trả cho chị T mỗi vụ lúa (04 tháng) là 500.000 đồng cho đến khi trả xong số tiền còn nợ là 57.500.000 đồng.

Những vấn đề mà các đương sự đã thống nhất và không thống nhất.

Những vấn đề mà các đương sự đã thống nhất: Anh H và chị Q thống nhất còn nợ chị T tiền mua thức ăn chăn nuôi bằng 57.500.000 đồng.

Những vấn đề mà các đương sự đã không thống nhất:

Chị T yêu cầu anh H và chị Q trả cho chị tiền mua thức ăn chăn nuôi là 57.500.000 đồng một lần kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

Anh H và chị Q đồng ý trả cho chị T mỗi vụ lúa (04 tháng) là 500.000 đồng cho đến khi trả xong số tiền còn nợ 57.500.000 đồng.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, riêng bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự là vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay.

Về nội dung vụ án: Qua kiểm tra chứng cứ có trong hồ sơ thì nguyên đơn chị T chứng minh được anh H và chị Q có mua thức ăn chăn nuôi của chị T nhiều lần, chị T có ghi sổ theo dõi và giao anh H một cuốn sổ đối chiếu, sau mỗi lần bán heo để thanh toán tiền cho chị T, tuy chưa có anh H ký xác nhận, nhưng tại biên bản hòa giải ngày 30/10/2014 của Ban nhân dân ấp C, xã N anh H thừa nhận còn nợ chị T số tiền 63.000.000 đồng. Đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án anh H và chị Q có nộp cho Tòa án bản tự khai đề ngày 06/6/2018 có nội dung thừa nhận còn nợ chị T số tiền 63.000.000 đồng và anh H với chị Q đã trả được 5.500.000 đồng, hiện tại còn nợ là 57.500.000 đồng. Tại phiên tòa chị Thủy xin rút một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu anh H và chị Q trả số tiền là 57.500.000 đồng, việc rút một phần yêu cầu của chị T là hoàn toàn tự nguyện, nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện theo quy định của pháp luật. Việc mua bán thức ăn xảy ra trong thời kỳ hôn nhân của anh H và chị Q đồng thời chị Q cũng thừa nhận là nợ chung của vợ chồng. Do đó nguyên đơn chị T yêu cầu anh H và chị Q trả tiền mua thức ăn chăn nuôi còn nợ là 57.500.000 đồng là có căn chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 256 Bộ luật Dân sự năm 2005.

Từ những phân tích trên, Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 26, 35, 39, khoản 2 Điều 244, 147 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 256 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Lệ T.

Buộc anh Hồ Văn H và chị Võ Thị Hồng Q liên đới trả cho chị Nguyễn Thị Lệ T tiền mua thức ăn chăn nuôi còn nợ là 57.500.000 đồng.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Lệ T về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền là 5.835.000 đồng.

Về án phí: Đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn anh Hồ Văn H và chị Võ Thị Hồng Q mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng anh H và chị Q đều vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là có căn cứ. Các bên đương sự thực hiện giao dịch từ năm 2004 đến năm 2006 là kết thúc giao dịch cho đến nay là hết thời hiệu khởi kiện, cho nên nguyên đơn chị T khởi kiện yêu cầu bị đơn anh H và chị Q đòi lại tài sản với số tiền 57.500.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật được quy định tại Điều 256 Bộ luật Dân sự năm 2005.

[2] *Về nội dung:* Nguyên đơn chị T tranh chấp với bị đơn anh H và chị Q tiền mua bán thức ăn chăn nuôi bằng 63.000.000 đồng là có thật, mặc dù các bên không có lập thành hợp đồng mua bán nhưng tại biên bản hòa giải ngày

30/10/2014 của Ban nhân dân ấp C, xã N thì anh H thừa nhận có mua thức ăn chăn nuôi heo của chị T và còn nợ số tiền 63.000.000 đồng, sau khi thừa nhận nợ từ ngày 07/02/2015 cho đến nay thì anh H và chị Q đã trả cho chị T số tiền 5.500.000 đồng, hiện còn nợ 57.500.000 đồng. Thời điểm các bên thực hiện giao dịch trong một khoảng thời gian dài (từ năm 2004 đến năm 2006) theo hình thức mua bán gối đầu, không phải mua bán đứt đoạn, thời điểm kết thúc giao dịch là năm 2006 do đó áp dụng các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005 để giải quyết vụ án là phù hợp. Việc các bên thực hiện hợp đồng mua bán không lập thành văn bản là phù hợp quy định tại Điều 124 và Điều 428 Bộ luật Dân sự năm 2005.

[3] Xét thấy, đơn khởi kiện ban đầu chị T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn anh H và chị Q trả tiền mua bán thức ăn chăn nuôi còn nợ 63.335.000 đồng trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị T xin rút một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu anh H và chị Q trả số tiền còn nợ là 57.500.000 đồng, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của chị T là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị T.

[4] Tại phiên Tòa chị T yêu cầu anh H và chị Q trả tiền mua thức ăn chăn nuôi còn nợ là 57.500.000 đồng có căn cứ chấp nhận, bởi vì tại bản tự khai ngày 06/6/2018 anh H và chị Q thừa nhận còn nợ chị T tiền mua thức ăn chăn nuôi bằng 57.500.000 đồng, do đó Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự.

[5] Chị T yêu cầu anh H và chị Q trả tiền mua thức ăn còn nợ là 57.500.000 đồng một lần kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, còn anh H và chị Q yêu cầu được trả cho chị T mỗi vụ lúa (04 tháng) bằng 500.000 đồng cho đến khi trả xong khoản nợ 57.500.000 đồng, việc thỏa thuận này là không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, anh H và chị Q với chị T có quyền thỏa thuận ở giai đoạn thi hành án.

[6] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Bị đơn anh H, chị Q phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn chị T không phải chịu án phí.

[7] Xét thấy, đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, 91, 96, 97, 147, 228, 244, 271, 273 và 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 124, Điều 256 và Điều 428 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Lệ T yêu cầu anh Hồ Văn H và chị Võ Thị Hồng Q trả tiền mua thức ăn còn nợ bằng 57.500.000 đồng. Chị T không yêu cầu tính lãi.

Buộc anh Hồ Văn H và chị Võ Thị Hồng Q có trách nhiệm hoàn trả cho chị Nguyễn Thị Lệ T tiền mua thức ăn còn nợ bằng 57.500.000 đồng. Chị T không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Lệ T về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền là 5.835.000 đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Lệ T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Hoàn trả cho chị T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.580.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0011757 ngày 30/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần.

Buộc anh Hồ Văn H và chị Võ Thị Hồng Q phải chịu 2.875.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án công khai để xin xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu cần;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Dương Thị Mỹ Châm